

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Bắc Giang, tháng 4 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Thời gian: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung, Chương trình Đại hội	Người phụ trách
1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	BTC
2	Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ông Hoàng
3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, cổ đông và giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.	Ông Hoàng
4	Biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội	Ông Trọng
5	Trình bày báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	Ô. Hiệp
6	Trình bày báo cáo tóm tắt của Hội đồng quản trị	Ô. Bá
7	Trình bày báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát	Ông Hào
8	Báo cáo kết quả kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2018	Ông Tâm
9	Phát biểu của Đại biểu cấp trên (nếu có)	TCT
10	Đáp từ (nếu có)	Ô. Bá
11	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội	Ông Quỳnh
12	Biểu quyết các chỉ tiêu năm 2019	Ông Bá
13	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019	Ô. Quỳnh
14	Bế mạc Đại hội	Ông Trọng

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua ngày 18/12/2015,

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ
ĐÔNG, CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền

tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông cá nhân có quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 15, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Được Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng thông báo công khai nội dung, chương trình Đại hội.

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (trong đó ghi tên cổ đông, mã số cổ đông, địa chỉ, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện và tổng số quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho những cổ đông này đăng ký. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Thư mời;

b. Giấy chứng minh thư nhân dân, Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;

c. Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp Đại hội (Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội). Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó và chữ ký người được ủy quyền. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân tổ chức đó;

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông và đại diện của cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 142, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

6. Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông phải rời khỏi cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, thì cổ đông có trách nhiệm liên hệ với Ban Kiểm phiếu để thông báo ý kiến của mình bằng văn bản về những vấn đề biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì coi như cổ đông đồng ý với tất cả những vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban Kiểm tra tư cách cổ đông) có 03 (ba) thành viên do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng chỉ định có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Chứng minh thư nhân dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban. Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 gồm 03 thành viên.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;

d. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa

1. Ban Chủ tọa Đại hội gồm 01 Chủ tọa Đại hội và một số thành viên giúp việc được Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Ban Chủ tọa có số thành viên không quá 03 người.

3. Chủ tọa Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban Chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

f. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 năm 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

g. Chủ tọa Đại hội có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Ban Chủ tọa cử.

2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Ban kiểm tra

tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày hoặc 01 ngày theo lịch cụ thể do Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng thông báo.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban Chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận;

3. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Quy chế Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng nhiệm kỳ 2015 -2020 được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2015 thông qua.

4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Ban Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp Cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng theo quy định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ

đồng và đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 có thể phê chuẩn.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 16 điều, được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bá

Số: 138 /ĐSHL-KH

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng, tôi xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và xin ý kiến của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

Nhờ đó Công ty đã chủ động điều hành kế hoạch sản xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn:

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, , cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	KH năm 2018 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2018		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2017	Tỷ lệ % so với KH
1	Sản Lượng	142.150	154.454	147.543	104%	96%
2	Doanh Thu	129.227	140.413	134.520	104%	96%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản phẩm công ích	106.198	113.836	116.499	110%	102%
	- Sản xuất kinh doanh khác	23.029	26.577	18.021	78%	68%
3	Chi Phí	126.675	136.569	131.626	104%	96%
4	Lợi nhuận (trước thuế)	2.552	2.844	2.894	113%	102%
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.041	2.275	2.283	112%	100,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn ĐL	15,47%	17,23%	17,54%	113%	102%
7	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	12,37%	13,79%	13,84%	112%	100,3%
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7,12%	8,00%	8,00%	112%	100%

Ghi chú: Giá trị doanh thu thực hiện sản phẩm công ích năm 2018 đã bao gồm kinh phí ray dự án là: 4.289.981.126 đồng.

2. Tiền lương và thu nhập:

Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty năm 2018 đạt 6.822.000 đồng/người/tháng, tăng 416.000 đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2017 là 6.406.000 triệu đồng/người/tháng.

3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

Trong năm 2018, bằng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị theo đúng quy định hiện hành, nội dung đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel	530	521,4	Đã hoàn thành
2	Máy mài ray	175	171,6	Đã hoàn thành
3	Ô tô 07 chỗ	1.300	0	Không thực hiện
	Tổng cộng	2.005	693,0	

Theo kế hoạch ban đầu đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thì tổng mức đầu tư là 2.005 triệu đồng với 03 danh mục dự án đầu tư như trên, nhưng tại văn bản số 1638/ĐS-KSNB ngày 04/6/2018 thì Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không thống nhất với đề xuất mua xe ô tô 7 chỗ, do vậy năm 2018 chỉ thực hiện 02 dự án như trên.

4. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía bắc là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 đã được hoàn tất, không có nội dung ngoại trừ hay điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót và đã được chấp nhận toàn phần từ phía đơn vị kiểm toán.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Doanh thu	Tăng 8,7% so với 2017	Tăng 4% so với 2017	Đạt 96% kế hoạch
	Trong đó:			
	- Doanh thu sản phẩm công ích	Đạt 100% KH	Đạt 102%	Tăng 2% so với kế hoạch
	- Doanh thu sản phẩm khác	Tăng 15% so với 2017	Đạt 78% so với 2017	Bằng 68% kế hoạch
2	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 10% so với năm 2017	Tăng 8% so với năm 2017	Không đạt
3	Lợi nhuận trước thuế	2 tỷ 844 tr. đ	2 tỷ 894 tr. đ	Vượt 2%
4	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	Đạt 17,23%	Đạt 17,54%	Vượt 2%
5	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	Đạt 8,00%	Đạt 8,00%	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
6	Tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng	Giữ vững	Giữ vững	Đạt
7	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội – Đồng Đăng	Giảm so với năm 2017	Giảm bình quân 20 điểm/km	Đạt
8	Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng di chủ quan gây ra	Không	Không	Đạt
9	Tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không quá 02 vụ	Không có	Đạt

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Công ty thực hiện công bố đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công. Qua đó, Công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tồn tại: Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại sau:

Năng lực máy móc thiết bị còn nhiều hạn chế, đặc biệt lĩnh vực thi công

công trình cầu cống, hiện tại máy móc, thiết bị chủ yếu để phục vụ thi công thường phải đi thuê ngoài dẫn đến tăng giá thành sản phẩm, nhiều công trình không đủ năng lực để thực hiện, giá trị sản lượng, doanh thu sản xuất ngoài chưa đạt kế hoạch giao.

Ý thức giữ gìn an toàn chạy tàu, tự giác chấp hành quy trình quy phạm của số ít CBCNV chưa cao, nên vẫn còn tiềm ẩn đe dọa an toàn chạy tàu.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2019.

- Giá trị doanh thu trong công ích có giá trị lớn, thường chiếm đến trên 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Năm 2019, theo kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, Công ty được đặt hàng 135,799 tỷ đồng, so với năm 2018 chỉ tăng 6,4% (tăng 5,1% nếu không tính tiền ray dự án). Việc tìm kiếm công trình ngoài hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động, nên rất khó để tăng trưởng so với giá trị doanh thu ngoài mà Công ty đã đạt được trong những năm gần đây.

- Ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng năm 2019 tăng bình quân 5,3% so với năm 2018 dẫn tới các yếu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, các chế độ tiền lương... Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm 2019.

2. Phương hướng, mục tiêu:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Xác định hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt là hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng quản lý, BDTX KCHT ĐS với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài công ích: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu năm 2019 tăng trưởng 9,7% trở lên so với năm 2018.

- Các chỉ tiêu khác:

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH đạt 21,65%; Tỷ lệ cổ tức/VĐL đạt 13% trở lên.

- + Thu nhập bình quân người lao động: tăng 8% so với năm 2018;
- + Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;
- + Giảm tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2018;
- + Không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;
- + Tai nạn GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra: Không quá 02 vụ;
- Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách; Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động; Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh; Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị Chính qui - Văn hoá - An toàn và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp;

3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % so với TH 2018
1	Doanh thu:	130.230	142.937	+9,8%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	112.209	117.937	+5,1%
	- Sản xuất kinh doanh khác	18.021	25.000	+38,7%
2	Chi phí:	127.336	138.471	+8,7%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	2.283	3.573	+56,5%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /VĐL	13,84%	21,65%	+56,5%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	8,00%	13,00%	+62,5%

Ghi chú: Các giá trị doanh thu sản phẩm công ích nêu trên không bao gồm kinh phí ray dự án (Thực hiện năm 2018 là: 4,290 tỷ đồng; Kế hoạch năm 2019 là 6,069 tỷ đồng).

4. Kế hoạch đầu tư (sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Thiết bị dòn ray	01 bộ	275.000.000	
2	Kích nâng thủy lực 100 tấn	02 bộ	250.000.000	Thiết bị thi công cầu
3	Hoán cải goòng vận tải đường sắt	01 chiếc	1.500.000.000	
4	Ô tô 7 chỗ	01 chiếc	950.000.000	Thay thế 02 chiếc đã hư hỏng và hết khấu hao
5	Ô tô bán tải	01 chiếc	900.000.000	
	Tổng cộng		3.875.000.000	

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		2.894.067.369
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	2.282.925.496
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong quý 2/2019) = 58% LNST	VĐL x 8,00%	1.320.000.000
	Trong đó:		
	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	51% VĐL x 8,00%	673.200.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	49% VĐL x 8,00%	646.800.000
	Lợi nhuận còn lại	LNST - (1)	962.925.496
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 17,5%	398.000.000
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty	LNST x 4,5%	102.732.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 20%	462.193.496

5.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		4.466.250.000
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.573.000.000
1	Chia cổ tức (13,00%/Vốn điều lệ)	LNST x 60%	2.145.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 12%	428.400.000
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty	LNST x 3%	105.000.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 25%	894.600.000

6. Kế hoạch lao động, tiền lương.

6.1. Kế hoạch lao động:

Tổng số lao động của Công ty: 797 người;
(Tổng số lao động được duyệt theo phương án CPH là: 879 người).

Trong đó:

Lãnh đạo, viên chức quản lý:	07 người;
Lao động gián tiếp:	60 người;
Lao động hỗ trợ, phục vụ SX:	21 người;
Lao động trực tiếp sản phẩm công ích:	685 người;
Lao động trực tiếp ngoài công ích:	24 người.

6.2. Kế hoạch tiền lương năm 2019:

Quỹ lương năm 2019 xây dựng trên cơ sở số lượng lao động theo kế hoạch nêu trên, mức tiền lương bình quân năm 2019 đảm bảo tăng 8% so với mức tiền lương thực hiện năm 2018. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 (không gồm tiền ăn ca) được xây dựng cụ thể như sau:

- Tổng quỹ lương người quản lý chuyên trách:	1.857.000.000 đồng;
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách:	36.000.000 đồng;
- Tổng quỹ tiền lương bộ máy gián tiếp:	6.678.000.000 đồng;
- Tổng quỹ tiền lương bộ khối trực tiếp:	56.419.000.000 đồng.

Tổng cộng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch: 64.990.000.000 đồng.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng;

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, KHKD.



Trần Phú Hiệp

Số: *15* /BC-ĐSHL

Bắc Giang, ngày *09* tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác quản trị và điều hành năm 2018 - Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2019 như sau:

I. Đánh giá của HĐQT về hoạt động SXKD của Công ty năm 2018.

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của Ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, quy chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên.

2. Khó khăn:

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

3. Kết quả đạt được:

Doanh thu thực hiện đạt 134,520 tỷ đồng bằng 96% so với kế hoạch và 104% so với năm 2017.

Trong đó:

+ Sản phẩm công ích: 116,499 tỷ đồng bằng 102% so với kế hoạch.

+ Sản xuất kinh doanh khác: 18,021 tỷ đồng bằng 68% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận (trước thuế): 2,894 tỷ đồng bằng 102% kế hoạch;

- Tỷ lệ cổ tức 8,0%/ Vốn điều lệ.

* Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty năm 2018 đạt 6.822.000 đồng/người/tháng, tăng 416.000 đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2017 là 6.406.000 triệu đồng/người/tháng.

* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt.

* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Kết quả đạt được về cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch, tuy nhiên doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác đạt 68% so với kế hoạch đã đề ra. Do đó, HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV và người lao động Công ty cần tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và những năm tiếp theo.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc:

Công ty quản lý một khối lượng kết cấu hạ tầng không những lớn nhất mà còn phức tạp nhất Tổng công ty ĐSVN bao gồm những yếu tố kỹ thuật đặc thù, khó khăn của ĐSVN như nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung....

Do kinh phí SCTX được phân bổ còn hạn hẹp, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động đưa ra các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo sản xuất; Phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, tích cực nghiên cứu, sáng tạo ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh hệ tuần gác trong việc thực hiện quy trình quy phạm khi lên ban, chú trọng kiểm tra ban 3, ngày nghỉ, lễ, tết hoặc trong những ngày mưa bão... Đối với công tác phòng chống lụt bão, Công ty đã chủ động điều tra, lập phương án xử lý các điểm có nguy cơ gây mất an toàn trong mùa mưa bão, chuẩn bị đầy đủ nguồn lực để ứng phó kịp thời với thiên tai. Cùng với sự lãnh đạo sâu sát của cấp trên kết hợp với sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong công tác phòng chống lụt bão, năm 2018 trong phạm vi các tuyến đường sắt do Công ty được giao quản lý không có thiệt hại nào do bão lũ, thiên tai gây ra. Công tác đảm bảo an toàn khu vực đèo dốc Bắc Thủy - Bản Thí được duy trì có hiệu quả.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các công việc được triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

III. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2018.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 19 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phân phối quỹ lương còn lại năm 2017 cho CBCNV trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018.
- Thông qua báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 kết quả thực hiện SXKD năm 2017, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018.
- Triển khai kế hoạch thực hiện chuyên đề đảm bảo ATGT tại các đường ngang, đường dân sinh và hành lang bảo vệ ATGT đường sắt.
- Phê duyệt kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật các quý trong năm 2018.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2018 và định hướng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2019.
- Công tác nhân sự của Ban Giám đốc.
- Điều chỉnh khối lượng quản lý KCHTĐS trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng; Mai Pha - Na Dương.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

IV. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2019.

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, năm 2019 Công ty sẽ tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển bởi những điều kiện thuận lợi sau:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty ĐSVN;

- Nội quy, quy chế hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần đã phát huy hiệu quả tạo ra phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD mới năng động, sáng tạo hơn.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn thách thức trong năm tới, đó là:

- Giá trị doanh thu trong công ích có giá trị lớn, thường chiếm đến trên 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Năm 2019, theo kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, Công ty được đặt hàng 135,799 tỷ đồng, so với năm 2018 chỉ tăng 6,4% (tăng 5,1% nếu không tính tiền ray dự án). Việc tìm kiếm công trình ngoài hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động, nên rất khó để tăng trưởng so với giá trị doanh thu ngoài mà Công ty đã đạt được trong những năm gần đây.

- Ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng năm 2019 tăng bình quân 5,3% so với năm 2018 dẫn tới các yếu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, các chế độ tiền lương,... Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm 2019.

Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2018 nhằm bù đắp khối lượng sản phẩm chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ quy trình, quy phạm trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất các phương án tái cơ cấu hoặc điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- Ban GD, Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bá

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2018 như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Tổ chức 04 cuộc họp và tham dự các cuộc họp của HĐQT, giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì.

Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty năm 2018, cụ thể:

- Xem xét tính hợp pháp, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2018 theo quy định của pháp luật và của Công ty.

- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

- Xem xét việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty.

- Xem xét thủ tục, trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 để đảm bảo tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2017; kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư, kế hoạch tiền lương, thù lao của viên chức quản lý và người lao động; việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 theo qui định.

- Tham gia ý kiến xây dựng; sửa đổi, bổ sung và giám sát việc triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Ngoài ra Ban kiểm soát thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 phiên họp để thảo luận và thống nhất thông qua những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát xét thấy các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền. Hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc tuân thủ theo qui định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị, ý kiến chỉ đạo của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

4.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Ban kiểm soát đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Sau khi kiểm tra, xem xét, Ban kiểm soát xác nhận và báo cáo trước Đại hội như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được lập phù hợp với nội dung và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng, số liệu chi tiết đầy đủ trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Theo ý kiến của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4.2. Khái quát tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2018

- Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	40.509.000.867	42.002.702.118
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.766.609.604	4.544.167.174
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	34.028.272.480	35.718.138.453
IV	Hàng tồn kho	140	1.704.611.730	1.740.396.491
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	9.507.053	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	11.884.523.944	12.644.181.476
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
II	Tài sản cố định	220	8.917.186.522	10.113.102.410
III	Bất động sản đầu tư	230		
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
IV	Tài sản dài hạn khác	260	2.967.337.422	2.531.079.066
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	52.393.524.811	54.646.883.594
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	32.904.599.315	35.706.189.927
I	Nợ ngắn hạn	310	32.904.599.315	35.706.189.927
II	Nợ dài hạn	330		
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19.488.925.496	18.940.693.667
I	Vốn chủ sở hữu	410	19.488.925.496	18.940.693.667
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	52.393.524.811	54.646.883.594

- Kết quả SXKD

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	134.519.640.942	129.227.410.616
2	Doanh thu tài chính	21	350.484.975	254.013.914
3	Thu nhập khác	31	90.800.000	290.743.755
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.894.067.369	2.551.948.856
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.282.925.496	2.040.693.667

5. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018

5.1. Thực hiện phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết Đại hội.

5.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2018

- Giá trị sản lượng chủ yếu của Công ty đạt 147 tỷ 543 triệu đồng, bằng 96% kế hoạch năm và tăng 4% so với năm 2017;

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 134 tỷ 520 triệu đồng, bằng 96% kế hoạch năm và tăng 4% so với năm 2017.

Trong đó:

+ Doanh thu từ hoạt động công ích đạt: 116 tỷ 499 triệu đồng, bằng 102% kế hoạch năm và tăng 10% so với năm 2017

+ Doanh thu từ hoạt động SXKD khác đạt 18 tỷ 021 triệu đồng, bằng 68% kế hoạch năm và bằng 78% so với năm 2017

- Lợi nhuận sau thuế đạt 2 tỷ 283 triệu đồng, bằng 100,3% kế hoạch năm và tăng 12% so với năm 2017

- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 13,84%, bằng 100,3% kế hoạch năm và tăng 12% so với năm 2017

- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đề trình để Đại hội biểu quyết thông qua là 8% đạt 100% so với kế hoạch năm và tăng 12% so với năm 2017

- Thu nhập bình quân đạt 6 triệu 822 nghìn đồng/người/tháng, tăng 416 nghìn đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2017

5.3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Công ty sẽ thực hiện 03 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu là 2 tỷ 005 triệu đồng, trong đó:

- Mua máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel: 530 triệu đồng

- Mua máy mài ray: 175 triệu đồng

- Mua 01 xe ô tô 7 chỗ 1 tỷ 300 triệu đồng.

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn thành 02 dự án, tổng giá trị thực hiện là 693 triệu đồng, trong đó:

- Mua máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel: 521,4 triệu đồng

- Mua máy mài ray: 171,6 triệu đồng

Quá trình chuẩn bị và thực hiện kế hoạch đầu tư, Công ty thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật

Dự án đầu tư mua xe ô tô 07 chỗ, Công ty đã có văn bản số 207/ĐSHL-KH ngày 14/5/2018 gửi Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để xin ý kiến biểu quyết tại Hội đồng quản trị Công ty về quyết định đầu tư mua sắm tài sản năm 2018.

Ngày 04/6/2018, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có văn bản số 1638/ĐS-KSNB về việc tham gia ý kiến biểu quyết tại Hội đồng quản trị về kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản năm 2018 tại Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng. Qua đó, Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không thống nhất với đề xuất mua 01 xe ô tô 07 chỗ và yêu cầu Người đại diện phần vốn phối hợp với Công ty xây dựng phương án tập trung nguồn vốn để đầu tư máy móc, phương tiện thiết bị đổi mới công nghệ sản xuất kinh doanh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty đã không thực hiện dự án mua xe ô tô 07 chỗ.

5.4. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

5.5. Việc trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018.

Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

6. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

- Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo qui định tại Điều lệ Công ty. Ban Lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

- Trong năm, Ban kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

7. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác giám sát theo quy định, cụ thể như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban SXKD hàng tháng;

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 (đã hoàn thành) và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019;

- Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam...;

- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng SXKD ngoài công ích;

- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội và xác nhận các thông tin do Ban kiểm soát báo cáo là trung thực và hợp lý, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT, BKS



Số: 16 /TTr-ĐSHL

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;
Căn cứ Quyết nghị Đại hội cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng số 06-18/NQ-ĐHCD2018 ngày 26/4/2018;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Bản báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng đã được Công ty TNHH AFC Việt Nam kiểm toán, lập và phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Bản Báo cáo tài chính đã được đăng trên trang website của công ty và in đóng trong quyển Báo cáo thường niên gửi Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019).

2- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế		2.282.925.496
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong quý 2/2019) = 58% LNST	(VĐL x 8,0%)	1.320.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	- Cổ tức phân vốn Nhà nước	51% VĐL	673.200.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	49% VĐL	646.800.000
	Lợi nhuận còn lại	(Tổng LNST-1)	962.925.496
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Quỹ ĐTPT)	(LNST x 17,5%)	398.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	(LNST x 4,5%)	102.732.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(LNST x 20%)	462.193.496

3- Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế		3.573.000.000
1	Chia cổ tức (13%/Vốn điều lệ)	LNST x 60%	2.145.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 12%	428.400.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	LNST x 3%	105.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 25%	894.600.000

4- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Trân trọng Kính trình.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban GD; Ban KS;
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bá

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

↓ M S ↓

PHƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/10/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ: 16.500.000.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 1.650.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Mã chứng khoán: HLR

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Bá	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Trần Phú Hiệp	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/12/2015

Ban giám đốc

Ông Trần Phú Hiệp	Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/08/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



Trần Phú Hiệp

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Số: 079/2019/BCTC-PB.00124

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.509.000.867	42.002.702.118
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.766.609.604	4.544.167.174
1. Tiền	111		748.116.453	4.544.167.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.018.493.151	-
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.028.272.480	35.718.138.453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.071.412.998	33.392.899.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	216.709.000	90.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.861.336.597	4.429.546.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.121.186.115)	(2.194.307.115)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	1.704.611.730	1.740.396.491
1. Hàng tồn kho	141		1.704.611.730	1.740.396.491
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		9.507.053	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9.507.053	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.884.523.944	12.644.181.476
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		8.917.186.522	10.113.102.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	8.917.186.522	10.113.102.410
- Nguyên giá	222		25.576.112.489	24.946.112.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.658.925.967)	(14.833.010.079)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2.967.337.422	2.531.079.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.967.337.422	2.531.079.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.393.524.811	54.646.883.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		32.904.599.315	35.706.189.927
I/ Nợ ngắn hạn	310		32.904.599.315	35.706.189.927
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	14.280.485.789	15.527.947.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	768.098.270	1.092.293.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.978.705.807	2.369.876.062
4. Phải trả người lao động	314		11.023.470.671	14.107.529.797
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	3.597.368.049	2.401.185.538
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		256.470.729	207.358.088
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	19.488.925.496	18.940.693.667
I/ Vốn chủ sở hữu	410		19.488.925.496	18.940.693.667
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		706.000.000	400.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.282.925.496	2.040.693.667
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.393.524.811	54.646.883.594



Trần Phú Hiệp
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134.519.640.942	129.227.410.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.519.640.942	129.227.410.616
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	117.712.101.566	112.592.081.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.807.539.376	16.635.329.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	350.484.975	254.013.914
7. Chi phí tài chính	22		-	10.652.300
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.482.300
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	14.129.214.984	14.410.772.156
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.028.809.367	2.467.919.048
11. Thu nhập khác	31	6.5	90.800.000	290.743.755
12. Chi phí khác	32	6.6	225.541.998	206.713.947
13. Lợi nhuận khác	40		(134.741.998)	84.029.808
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.894.067.369	2.551.948.856
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	611.141.873	511.255.189
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.282.925.496	2.040.693.667
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.045	897
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.045	897



Trần Phú Hiệp
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2018	Năm 2017
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	141.085.954.582	148.883.019.946
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(45.843.362.944)	(65.920.681.135)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(63.600.195.136)	(59.125.872.328)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.482.300)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(565.526.088)	(586.649.631)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.155.788.688	(267.755.664)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(32.989.430.816)	(24.613.177.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.243.228.286	(1.633.598.571)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(207.900.000)	(2.577.482.363)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	337.709.394	254.013.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	129.809.394	(2.323.468.449)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.766.086.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.766.086.909)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.150.595.250)	(1.129.910.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.150.595.250)	(1.129.910.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	222.442.430	(5.086.977.620)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.544.167.174	9.631.144.794
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.766.609.604	4.544.167.174



Trần Phú Hiệp
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/10/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 4 là 16.500.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 28/11/2016 với mã chứng khoán là HLR, số lượng cổ phiếu là 1.650.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy.

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang	Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.7 Nhân viên

Số lao động bình quân trong năm 2018 là 806 người, năm 2017 là 828 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	35.803.008	90.928.902
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	712.313.445	4.453.238.272
Các khoản tương đương tiền	4.018.493.151	-
Cộng	4.766.609.604	4.544.167.174

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	21.974.550.959	-	20.376.847.310	-
Công ty CP vận tải	137.047.000	-	137.047.000	-
Đường sắt Hà Nội				
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái	940.370.520	-	1.468.173.635	-
Ban QL dự án ĐS KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.602.288.675	-	2.719.255.728	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	18.294.844.764	-	16.052.370.947	-
Các bên khác	13.096.862.039	(3.121.186.115)	13.016.051.839	(2.194.307.115)
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.096.862.039	(3.121.186.115)	13.016.051.839	(2.194.307.115)
Cộng	35.071.412.998	(3.121.186.115)	33.392.899.149	(2.194.307.115)

5.2.2 Nợ khó thu hồi

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
UBND Thành phố Bắc Giang	149.727.115	-	149.727.115	-
Công ty TNHH Hướng Tâm	119.167.000	-	119.167.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	-	1.925.413.000	-
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	2.162.717.800	3.119.596.800	3.119.596.800
Cộng	5.283.903.915	2.162.717.800	5.313.903.915	3.119.596.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	216.709.000	-	90.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư A&E Quảng Ninh	216.379.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	330.000	-	90.000.000	-
Cộng	216.709.000	-	90.000.000	-

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	901.859.400	-	901.859.400	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
<i>Các bên khác</i>	959.477.197	-	3.527.687.019	-
Cầm cố, ký quỹ	14.600.083	-	1.445.795.444	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	39.000.000	-	972.000.000	-
Phải thu chi phí bảo quản trông coi VTTH	481.516.682	-	566.054.855	-
Phải thu bảo hiểm của người lao động	346.205.475	-	327.452.144	-
Phải thu khác	78.154.957	-	216.384.576	-
Cộng	1.861.336.597	-	4.429.546.419	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.123.582.316	-	1.109.934.119	-
Công cụ, dụng cụ	91.518.366	-	87.496.518	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	489.511.048	-	542.965.854	-
Cộng	1.704.611.730	-	1.740.396.491	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	14.864.169.461	5.111.947.525	4.179.621.274	675.239.229	115.135.000	24.946.112.489
Mua trong kỳ	-	630.000.000	-	-	-	630.000.000
Số dư tại 31/12/2018	<u>14.864.169.461</u>	<u>5.741.947.525</u>	<u>4.179.621.274</u>	<u>675.239.229</u>	<u>115.135.000</u>	<u>25.576.112.489</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2018	8.203.427.129	2.980.974.653	3.183.306.433	393.127.738	72.174.126	14.833.010.079
Khấu hao trong năm	787.477.180	543.077.947	373.303.388	103.902.373	18.155.000	1.825.915.888
Số dư tại 31/12/2018	<u>8.990.904.309</u>	<u>3.524.052.600</u>	<u>3.556.609.821</u>	<u>497.030.111</u>	<u>90.329.126</u>	<u>16.658.925.967</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	6.660.742.332	2.130.972.872	996.314.841	282.111.491	42.960.874	10.113.102.410
Số dư tại 31/12/2018	<u>5.873.265.152</u>	<u>2.217.894.925</u>	<u>623.011.453</u>	<u>178.209.118</u>	<u>24.805.874</u>	<u>8.917.186.522</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 4.026.456.877 đồng, tại 01/01/2018 là 75.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phí bảo lãnh thực hiện HD công trình XD cầu Treo suối Mỡ	9.507.053	-
Cộng	9.507.053	-

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Lợi thế kinh doanh	1.624.841.338	1.856.961.529
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.342.496.084	674.117.537
Cộng	2.967.337.422	2.531.079.066

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	3.376.140.530	3.376.140.530	4.768.612.124	4.768.612.124
Tổng công ty ĐSVN (cho thuê máy móc, nhà cửa)	2.093.973.684	2.093.973.684	4.085.048.061	4.085.048.061
Công ty CP đá Đồng Mỏ	643.496.700	643.496.700	559.862.063	559.862.063
Công ty CP thông tin tin hiệu Đường sắt Bắc Giang	164.578.522	164.578.522	-	-
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	348.914.200	348.914.200	-	-
Trung tâm Y tế Đường sắt	97.150.000	97.150.000	116.200.000	116.200.000
Chi nhánh Tổng Công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên	28.027.424	28.027.424	7.502.000	7.502.000
Các bên khác	10.904.345.259	10.904.345.259	10.759.335.003	10.759.335.003
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	3.625.403.685	3.625.403.685	2.141.929.385	2.141.929.385
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	7.278.941.574	7.278.941.574	8.617.405.618	8.617.405.618
Cộng	14.280.485.789	14.280.485.789	15.527.947.127	15.527.947.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	768.098.270	768.098.270	1.092.293.315	1.092.293.315
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Nam	754.676.270	754.676.270	-	-
Công ty CP xây dựng và đầu tư 368	13.422.000	13.422.000	-	-
Công ty Nam Hồng - TNHH	-	-	700.000.000	700.000.000
Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	-	-	392.293.315	392.293.315
Cộng	768.098.270	768.098.270	1.092.293.315	1.092.293.315

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	992.045.338	992.045.338	1.010.145.338	1.010.145.338
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	992.045.338	992.045.338	1.010.145.338	1.010.145.338
<i>Các bên khác</i>	2.605.322.711	2.605.322.711	1.391.040.200	1.391.040.200
Kinh phí công đoàn	80.677.078	80.677.078	-	-
Phải trả giá trị vật tư thu hồi	1.652.186.430	1.652.186.430	1.202.966.691	1.202.966.691
Phải trả tiền cổ tức	49.294.150	49.294.150	25.089.400	25.089.400
Phải trả khác	823.165.053	823.165.053	162.984.109	162.984.109
Cộng	3.597.368.049	3.597.368.049	2.401.185.538	2.401.185.538

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.918.895.800	8.292.525.213	8.863.250.173	-	2.348.170.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	59.810.007	565.526.088	611.141.873	-	14.194.222
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	101.491.743	93.980.743	-	7.511.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	429.079.367	429.079.367	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	2.978.705.807	9.392.622.411	10.001.452.156	-	2.369.876.062

5.12 Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	16.500.000.000	-	-	1.954.524.274	18.454.524.274	18.454.524.274
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.040.693.667	2.040.693.667	2.040.693.667
Phân phối lợi nhuận	-	-	400.000.000	(1.954.524.274)	(1.554.524.274)	(1.554.524.274)
Số dư tại 31/12/2017	16.500.000.000	400.000.000	400.000.000	2.040.693.667	18.940.693.667	18.940.693.667
Số dư tại 01/01/2018	16.500.000.000	-	-	2.040.693.667	18.940.693.667	18.940.693.667
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.282.925.496	2.282.925.496	2.282.925.496
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	306.000.000	(2.040.693.667)	(1.734.693.667)	(1.734.693.667)
Số dư tại 31/12/2018	16.500.000.000	706.000.000	706.000.000	2.282.925.496	19.488.925.496	19.488.925.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(i) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 06.18/NQ-ĐHĐCĐ.2018 ngày 26/04/018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng. Chi tiết:

	Năm 2017 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	306.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	457.893.667
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	102.000.000
Chia cổ tức	1.174.800.000
Tổng	2.040.693.667

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	841.500	8.415.000.000	51%	841.500	8.415.000.000	51%
Các cổ đông khác	808.500	8.085.000.000	49%	808.500	8.085.000.000	49%
Cộng	1.650.000	16.500.000.000	100%	1.650.000	16.500.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	16.500.000.000	16.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	16.500.000.000	16.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.174.800.000	1.155.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các bên liên quan	119.937.838.364	115.360.161.042
<i>Ban quản lý dự án ĐS KVI - TCT ĐSVN</i>	2.924.058.204	5.597.823.388
<i>Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái</i>	514.937.745	1.607.430.578
<i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	116.498.842.415	106.224.562.312
<i>Các bên khác</i>	-	1.930.344.764
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các bên khác	14.581.802.578	13.867.249.574
Cộng	134.519.640.942	129.227.410.616

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	117.712.101.566	112.324.088.957
Cộng	117.712.101.566	112.592.081.026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	350.484.975	254.013.914
Cộng	350.484.975	254.013.914

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.955.840.398	8.919.806.817
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.173.374.586	5.490.965.339
Cộng	14.129.214.984	14.410.772.156

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Kinh doanh nhà lưu trú	26.900.000	-
KP cảnh giới đường ngang đảm bảo ATGTĐS	63.900.000	-
Các khoản khác	-	290.743.755
Cộng	90.800.000	290.743.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.6 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí cảnh giới đường ngang	63.900.000	-
Chi phí lãi vay máy móc dự án áo năm 2016 giảm do Bộ GTVT loại	161.641.998	206.713.947
Cộng	225.541.998	206.713.947

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.894.067.369	2.551.948.856
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	161.641.998	4.327.090
Các khoản điều chỉnh tăng	161.641.998	4.327.090
Các khoản chi phí không được trừ	161.641.998	4.327.090
Thu nhập tính thuế TNDN	3.055.709.367	2.556.275.946
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	611.141.873	511.255.189

6.8 Lãi trên cổ phiếu

6.8.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.282.925.496	2.040.693.667
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.282.925.496	2.040.693.667
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(559.316.747)	(559.983.667)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.045	897

6.8.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.282.925.496	2.040.693.667
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.282.925.496	2.040.693.667
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(559.316.747)	(559.983.667)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.045	897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(i) Trình bày lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 và ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Nghị quyết số 06.18/NQ-ĐHĐCĐ.2018 ngày 26/04/2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.984.965.878	31.418.812.618
Chi phí nhân công	76.564.759.184	73.297.219.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.745.900.948	1.663.325.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.734.244.478	17.932.498.266
Chi phí khác bằng tiền	5.638.000.950	5.973.729.587
Cộng	133.667.871.438	130.285.584.604

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	Giá gốc VND	31/12/2018 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2018 Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.766.609.604	-	4.544.167.174	-
Phải thu khách hàng	35.071.412.998	(3.121.186.115)	33.392.899.149	(2.194.307.115)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.822.336.597	-	3.457.546.419	-
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	41.660.359.199	(3.121.186.115)	41.394.612.742	(2.194.307.115)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán	14.280.485.789	15.527.947.127
Chi phí phải trả	-	-
Phải trả khác	3.516.690.971	2.401.185.538
Cộng	17.797.176.760	17.929.132.665

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.766.609.604	-	-	4.766.609.604
Phải thu khách hàng	31.950.226.883	-	-	31.950.226.883
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.822.336.597	-	-	1.822.336.597
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	38.539.173.084	-	-	38.539.173.084
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.544.167.174	-	-	4.544.167.174
Phải thu khách hàng	31.198.592.034	-	-	31.198.592.034
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	3.457.546.419	-	-	3.457.546.419
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	39.200.305.627	-	-	39.200.305.627

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	14.280.485.789	-	-	14.280.485.789
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	3.516.690.971	-	-	3.516.690.971
Cộng	17.797.176.760	-	-	17.797.176.760
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	15.527.947.127	-	-	15.527.947.127
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	2.401.185.538	-	-	2.401.185.538
Cộng	17.929.132.665	-	-	17.929.132.665

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Ban quản lý dự án Đường sắt KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP đá Đồng Mỏ	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con của Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty

8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng	1.798.819.000	1.762.182.449

8.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Thực hiện cảnh giới đường ngang dịp lễ tết 2018	70.290.000	-
Thực hiện công trình sửa chữa thường xuyên	127.719.728.543	-
Nhận tiền thanh toán công nợ	121.228.952.600	114.391.751.142
Thuê nhà, máy móc thiết bị, chi phí quản lý	2.103.591.132	4.307.231.862
Thanh toán tiền thuê nhà, máy móc thiết bị	4.074.537.061	4.578.335.273
Bù trừ công nợ với Tổng công ty	38.228.448	692.094.988
Nhận thưởng tổng công ty	7.800.000	-
Điều chỉnh giảm lãi vay dự án Pháp năm 2015	2.127.448	-
Bồi thường chậm tàu	310.000	-
Trả cổ tức	599.148.000	-
Trung tâm y tế đường sắt		
Sử dụng dịch vụ khám sức khỏe	97.150.000	116.200.000
Thanh toán kinh phí khám sức khỏe định kỳ 2017	116.200.000	-
Ban quản lý dự án ĐS KVI - Tổng Công ty ĐSVN		
Nhận tiền thanh toán công nợ	2.682.859.078	3.588.213.000
Nhận tạm ứng kinh phí thi công Cầu Chéo	650.572.000	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội		
Thanh toán công nợ phải trả	1.294.100.800	1.063.911.200
Nhận tiền thanh toán công nợ	-	4.063.165.000
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	1.643.015.000	967.192.000
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái		
Nhận tiền thanh toán công nợ	1.188.469.270	600.000.000
Công ty CP đá Đồng Mỏ		
Mua vật tư	1.518.922.900	982.423.900
Thanh toán tiền vật tư	1.435.288.263	1.000.000.000
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Bắc Giang		
Sử dụng dịch vụ	164.578.522	26.340.000
Thanh toán tiền công nợ	-	28.974.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
Sử dụng dịch vụ	7.502.000	6.820.000
Thanh toán công nợ	-	13.899.000
Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên		
Thuê kiểm tra cầu đường bằng máy EM 120	28.027.424	-
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Khai thác Đường sắt Hà Lạng		
Nhận tiền thanh toán công nợ	-	752.917.241
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa		
Nhận tiền thanh toán công nợ	-	368.844.000
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt		
Sử dụng dịch vụ đào tạo	-	18.500.000
Thanh toán công nợ	-	18.500.000
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm		
Thanh toán công nợ	-	69.581.853

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4, 5.8, 5.9, 5.10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.8 - Lãi trên cổ phiếu:

TT	Khoản mục	Mã số	Số dư tại BCKít năm 2017	Số trình bày lại	Chênh lệch
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh					
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.237	897	(340)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.237	897	(340)

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Trần Phú Hiệp
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CT:..... Q.SỐ:.....SCT-BS
Ngày... tháng... năm 20... 19

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ TÂN

Số: /NQ-ĐHĐCĐ.2019

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 18/12/2015;

Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng ngày 24 tháng 4 năm 2019 đã được Đại hội thống nhất thông qua,

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng năm 2019 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng Quản trị số: 15/BC-ĐSHL ngày 09/4/2019;

3. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát số: 04/BC-BKS ngày 09/4/2019;

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc;

5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2018 như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền: (VDL x 8%) là 1.320.000.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước	(51% VDL x 8%):	673.200.000 đồng
+ Cổ tức cổ đông đại chúng	(49% VDL x 8%):	646.800.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến : Quý II/2019;

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức;

6. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % so với TH 2018 (Tăng +; giảm -)
1	Doanh thu:	130.230	142.937	+9,8%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	112.209	117.937	+5,1%
	- Sản xuất kinh doanh khác	18.021	25.000	+38,7%
2	Chi phí:	127.336	138.471	+8,7%
3	Lợi nhuận:	2.283	3.573	+56,5%
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	13,84%	21,65%	+56,5%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	8,00%	13,00%	+62,5%

7. Thông qua phương án trích lập các Quỹ năm 2018, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 398.000.000 đồng
- Quỹ Người quản lý doanh nghiệp 102.732.000 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 462.193.496 đồng

8. Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		4.466.250.000
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.573.000.000
1	Chia cổ tức (13,00%/Vốn điều lệ)	LNST x 60%	2.145.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 12%	428.400.000
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty	LNST x 3%	105.000.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 25%	894.600.000

9. Thông qua Kế hoạch đầu tư:

- Mua thiết bị dòn ray:	275.000.000 đồng
- Mua kích nâng thủy lực 100 tấn (Thiết bị thi công cầu):	250.000.000 đồng
- Hoán cải goòng vận tải đường sắt:	1.500.000.000 đồng
- Mua Ô tô 7 chỗ:	950.000.000 đồng
- Mua Ô tô bán tải:	900.000.000 đồng

Tổng cộng: 3.875.000.000 đồng

10. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 như sau:

Quỹ lương năm 2019 xây dựng trên cơ sở số lượng lao động theo kế hoạch, mức tiền lương bình quân năm 2019 đảm bảo tăng 8% so với mức tiền lương thực hiện năm 2018. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 (không gồm tiền ăn ca) được xây dựng cụ thể như sau:

- Tổng quỹ lương người quản lý chuyên trách:	1.857.000.000 đồng;
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách:	36.000.000 đồng;
- Tổng quỹ tiền lương bộ máy gián tiếp:	6.678.000.000 đồng;
- Tổng quỹ tiền lương bộ khối trực tiếp:	56.419.000.000 đồng.

Tổng cộng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch: 64.990.000.000 đồng.

11. Biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT, Ban GD, Ban Kiểm soát;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Văn Bá

Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2019

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị số 15/BC-ĐSHL ngày 09/4/2019.
2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát số 04/BC-BKS ngày 09/4/2019.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán số tại tờ trình số 16/TTr-ĐSHL ngày 09/4/2019.
4. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2018.
5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
6. Thông qua phương án trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi năm 2018.
7. Thông qua mức cổ tức dự kiến năm 2019.
8. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019.
9. Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019.
10. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2019.